

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2025, trên địa bàn các huyện: Triệu Sơn, Vĩnh Lộc, Hà Trung, Ngọc Lặc, Thường Xuân, Như Xuân

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 ngày 11 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 440/TTr-SNNMT ngày 20/5/2025 (Kèm theo hồ sơ có liên quan).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2025 trên địa bàn các huyện: Triệu Sơn, Vĩnh Lộc, Hà Trung, Ngọc Lặc, Thường Xuân, Như Xuân với các nội dung chính như sau:

1. Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 157,586 ha.

2. Loại rừng:

a) Rừng phòng hộ: 5,56 ha.

b) Rừng sản xuất 152,026 ha.

3. Nguồn gốc hình thành rừng:

a) Rừng tự nhiên: 4,15 ha.

b) Rừng trồng: 153,436 ha.

4. Tổng số dự án chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 31 dự án.

(Chi tiết có các Phụ biểu đính kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện các huyện: Triệu Sơn, Vĩnh Lộc, Hà Trung, Ngọc Lặc, Thường Xuân, Như Xuân.

a) Tổ chức thực hiện và công bố công khai Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2025 trên địa bàn huyện; đảm bảo phù hợp với các chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng được cấp thẩm quyền phân bổ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về tính chính xác, hợp lệ đối với thông tin, số liệu về vị trí, diện tích, nguồn gốc, hiện trạng rừng, chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất, chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng rừng và các nội dung liên quan đến từng công trình, dự án trong Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2025 được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

c) Thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo đúng kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng hoặc kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

d) Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật lâm nghiệp, đất đai để người sử dụng rừng, các chủ đầu tư, công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nắm vững và sử dụng rừng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

đ) Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trách nhiệm quản lý Nhà nước về đất đai, lâm nghiệp; quản lý, sử dụng đất, sử dụng rừng theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, sử dụng rừng được cấp thẩm quyền phê duyệt; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn các chủ đầu tư công trình, dự án chấp hành thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo đúng quy định hiện hành của pháp luật; phát hiện xử lý kịp thời, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định.

e) Định kỳ hàng năm, tổng hợp, báo cáo và đánh giá cụ thể kết quả thực hiện kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn huyện, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh trong tham mưu quản lý Nhà nước về lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ và tài liệu số liệu liên quan đối với Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết

quả thực hiện, làm rõ những hạn chế, khó khăn, đề xuất được các biện pháp khắc phục trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện theo quy định năm 2025 cấp huyện; sự phù hợp với hồ sơ quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, hồ sơ quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và sự thống nhất, đồng bộ giữa chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất với chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng rừng được thẩm định.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra, thanh tra, giám sát quá trình triển khai, tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2025 cấp huyện; kiên quyết không tham mưu cho cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương và quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng đối với các công trình, dự án không có trong quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên địa bàn các huyện.

c) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện, làm rõ những hạn chế, khó khăn, đề xuất được các biện pháp khắc phục trong thực hiện kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác cấp huyện theo quy định.

3. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ, triển khai, tổ chức thực hiện hiệu quả các nội dung kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2025 cấp huyện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Chủ tịch UBND các huyện: Triệu Sơn, Vĩnh Lộc, Hà Trung, Ngọc Lặc, Thường Xuân, Như Xuân và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Huyện ủy, HĐND các huyện: Triệu Sơn, Vĩnh Lộc; Hà Trung; Ngọc Lặc; Thường Xuân; Như Xuân;
- Lưu: VT, NNMT.

(MC21.05.25)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

Phụ biểu số I

Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2025, huyện Triệu Sơn

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên dự án	Đơn vị hành chính	Vị trí			Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng (ha)						
						Tổng	Rừng tự nhiên			Rừng trồng		
			Lô	Khoảnh	Tiểu khu		RDD	RPH	RSX	RDD	RPH	RSX
	TỔNG CỘNG					49,31		3,84			0,74	44,73
1	Đất thương mại dịch vụ (Dự án Khu dịch vụ thương mại và cáp treo Am tiên thuộc Quần thể du lịch Am Tiên)	Thị trấn Nưa	30; 29; 21; 18;16; 6; 8; 10;14; 27; 17; 20	2A, 3A, 3B	566	27,34		3,84			0,74	22,76
2	Trang trại gà Thọ Tân	Xã Thọ Tân	2; 6	1	15748	3,23						3,23
3	Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp	Xã Thọ Tiến	18; 11; 13; 17	1	15673	2,94						2,94
4	Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp	Xã Thọ Tiến	31	1	15673	4,00						4,00
5	Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp	Xã Thọ Tiến	33; 34	1	15673	4,00						4,00
6	Khai thác khoáng sản mỏ đất san lấp	Xã Thọ Tiến	11	1	15673	2,80						2,80
7	Khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp	Xã Hợp Thắng	25	1	15688	5,00						5,00

Phụ biểu số II

Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2025, huyện Vĩnh Lộc

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên dự án	Đơn vị hành chính	Vị trí			Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng (ha)							
			Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Tổng	Rừng tự nhiên				Rừng trồng		
							RĐĐ	RPH	RSX	NQH	RĐĐ	RPH	RSX
TỔNG CỘNG						17,75							17,75
1	Hạ tầng kỹ thuật Điểm dân cư Bồng Phồn	Xã Vĩnh Hòa	1	2	416A	3,78							3,78
2	Khai thác khoáng sản mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Xã Vĩnh Thịnh	1,2	6	459	8,0							8,0
3	Khai thác khoáng sản mỏ đất làm vật liệu san lấp	Xã Vĩnh Thịnh	1,2	1	466C	5,97							5,97

Phụ biểu số III

Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2025, huyện Hà Trung

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên dự án	Đơn vị hành chính	Vị trí			Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng (ha)							
						Tổng	Rừng tự nhiên				Rừng trồng		
			Lô	Khoảnh	Tiểu khu		RDD	RPH	RSX	NQH	RDD	RPH	RSX
TỔNG CỘNG						15,97							15,97
1	Mỏ đất san lấp tại xã Hà Sơn	Xã Hà Sơn	62,64,67,101-117	8, 8a	466	6,00							6,00
2	Mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường	Xã Hà Sơn	11,13,15,35-39, 53-58	5	466	3,00							3,00
3	Mỏ đá bazan làm vật liệu thông thường	Xã Hà Tân	24,25,26,28,30,32,33,37,41,42,44,46,50,51	6,8	464B	5,47							5,47
4	Mỏ đá bazan làm vật liệu thông thường	Xã Hà Tiến	38,39,51,52,53,61,62	3	462E	1,50							1,50

Phụ biểu số IV

Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2025, huyện Ngọc Lặc

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên dự án	Đơn vị hành chính	Vị trí			Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng (ha)							
						Tổng	Rừng tự nhiên				Rừng trồng		
			Lô	Khoản h	Tiểu khu		RDD	RPH	RSX	NQH	RDD	RPH	RSX
TỔNG CỘNG						6,78		0,20				0,58	6,00
1	Công trình quốc phòng	Xã Thạch Lập	296, 297, 298, 302, 303, 304	1	436	0,58						0,58	
			8, 17	4	436	0,20		0,20					
2	Mở rộng mỏ đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường	Xã Cao Ngọc	12, 15	1	446	6,00							6,00

Phụ biểu số V

Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2025, huyện Thường Xuân

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên dự án	Đơn vị hành chính	Vị trí			Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng (ha)							
			Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Tổng	Rừng tự nhiên				Rừng trồng		
							RDD	RPH	RSX	NQH	RDD	RPH	RSX
TỔNG CỘNG						24,463			0,11			0,2	24,153
1	Đường giao thông từ thôn Chiềng đi thôn Phổng, Dưn xã Bát Mọt đến thôn My, xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân	Xã Bát Mọt, xã Yên Nhân	1,1,2,3,4	K4 TK479; K3a TK480	479, 480	1,106							1,106
2	Nâng cấp đường giao thông xã Tân Thành - Luận Khê, huyện Thường Xuân	Xã Tân Thành, xã Luận Khê	1,2,3,4,5,6,7, 1,1,1,2,	K3,4,6 TK549; K2a, TK552	549, 552	3,027							3,027
3	Đường từ Quốc lộ 47 đi cầu Tô Rồng, huyện Thường Xuân	Thị trấn Thường Xuân, xã Xuân Cao	27, 125, 29, 19, 32, 41, 25, 3, 37, 35, 23, 25, 21, 12, 124, 12, 23, 47, 40, 2, 26, 11, 22, 4, 3, 6, 28, 11, 8, 2, 7, 19, 40, 16, 20, 1, 5, 30, 27, 34, 30, 24, 31	K1 TK 15652; K2 TK 523; K 1, 2, 3, 4, 5 TK 523B	15652; 523; 523B	7,580							7,580
4	Đường giao thông từ trung tâm xã Tân Thành đi đường mòn Hồ Chí Minh	Xã Tân Thành	315, 17, 4, 20, 85, 1,302, 249, 21, 57, 22, 7, 12, 56, 17	K1 TK 15661; K5b TK545; K7 TK 551; K 4a, 4b, TK 552	15661; 545;551; 552	1,360							1,360

TT	Tên dự án	Đơn vị hành chính	Vị trí			Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng (ha)								
			Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Tổng	Rừng tự nhiên				Rừng trồng			
							RDD	RPH	RSX	NQH	RDD	RPH	RSX	
5	Đường giao thông từ xã Vạn Xuân đi trung tâm xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân	Xã Vạn Xuân, xã Xuân Lẹ	28, 22, 160, 129, 41, 43, 127, 161, 25, 20, 173, 72, 86, 185, 2, 146, 33, 157, 158, 194, 106, 5, 16, 47, 172, 144	K 2b, 3a TK 528B; K 2, 4, 7 TK 535; K2 TK 542	528B; 535; 542	3,140			0,110					3,030
6	Đường giao thông thôn Xuân Minh 1 xã Xuân Cao đi bản Mạ thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân	Xã Xuân Cao, thị trấn Thường Xuân	3, 9, 17, 4, 7, 13, 33, 5, 8, 4, 2, 28, 45a, 12, 6, 38, 2, 5, 50, 10, 40, 14, 11, 1, 48, 24, 4, 26, 29	K1 TK 15631; K 1a, 1b TK 518; K 1, 2 TK 523	15631; 518; 523	6,940								6,940
7	Hồ chứa nước bản Vịn	Xã Bát Mọt	1, 71, 69	K 1, K5a, K5b	15607, 484,	0,510								0,510
8	Nâng cấp, mở rộng đường từ xã Xuân Cao đi xã Luận Thành, huyện Thường Xuân	Xã Luận Thành, xã Xuân Cao	531, 15637, 533, 15634, 15631	K7, K1	17, 5, 1, 2,29	0,800							0,200	0,600

Phụ biểu số VI

Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2025, huyện Như Xuân

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên dự án	Đơn vị hành chính	Vị trí			Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng (ha)							
			Lô	Khoảnh	Tiểu khu	Tổng	Rừng tự nhiên				Rừng trồng		
							RDD	RPH	RSX	NQH	RDD	RPH	RSX
	TỔNG CỘNG					43,313							43,313
1	Chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất là rừng trồng sang làm trang trại tại thôn Xuân Khánh	Xã Bãi Trành	6;8	11	648	22,000							22,000
2	Đường giao thông từ xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân đi xã Phụng Nghi, huyện Như Thanh	Xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân; xã Phụng Nghi, huyện Như Thanh	19;20;21	1	576	3,120							3,120
3	Nhà máy may mặc, giày da xuất khẩu	thị trấn Yên Cát	1, 3	7	590	1,471							1,471
4	Cụm công nghiệp Bãi Trành	Xã Bãi Trành	1, 2, 3, 4	12	648B	14,970							14,970
5	Nhà máy chế biến lâm sản	Xã Thượng Ninh	1	2	575C	0,780							0,780
6	Trụ sở Công an xã Tân Bình	Xã Tân Bình	7	4	597	0,120							0,120
7	Thiền viện Tuệ Giác	Xã Tân Bình	13	3	397	0,852							0,852